

Số: 126 /TB-TDTTHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Về lịch học lại chính thức đợt 1 năm học 2025 - 2026

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-TDTTHCM ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành kế hoạch học tập, thời khóa biểu, lịch học và tiến độ học tập năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-TDTTHCM ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc tổ chức học lại và học cải thiện điểm năm học 2025 - 2026 cho sinh viên các khóa đại học;

Căn cứ Thông báo số 110/TB-TDTTHCM ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc tổ chức học lại và học cải thiện điểm đợt 1 cho sinh viên các khóa đại học năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Phiếu trình giải quyết công việc số 96/PTr-ĐQH ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế về số lượng sinh viên đủ điều kiện mở lớp học lại đợt 1 năm học 2025 - 2026.

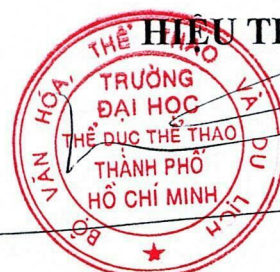
Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về lịch học lại chính thức đợt 1 năm học 2025 - 2026 như sau:

1. Lịch học lại chính thức đợt 1 năm học 2025 - 2026 (bản đính kèm).
2. Thời gian tổ chức: Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 27/12/2025.
3. Dự thảo danh sách sinh viên các khóa đại học học lại đợt 1 năm học 2025 - 2026.
4. Thời gian nộp điểm: Hạn chót nộp điểm học lại về Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế (bộ phận Đào tạo): 15h00 ngày 09/01/2026.
5. Trường hợp đặc biệt: Sinh viên năm cuối và sinh viên đã hết niên khóa nhưng còn nợ môn, cần phải hoàn thành sớm các môn học để đảm bảo tốt nghiệp đúng thời hạn. Sinh viên chủ động liên hệ Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế tổ chức lớp và đảm bảo kinh phí theo quy định mở lớp.

Trên đây là Thông báo về lịch học lại chính thức đợt 1 năm học 2025 - 2026. Đề nghị các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và sinh viên các khóa đại học triển khai thực hiện nghiêm túc Thông báo này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc trường;
- Công thông tin điện tử Trường (để thông báo);
- Sinh viên (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐTH, TH(20).



TS. Võ Quốc Thắng

LỊCH HỌC LẠI CHÍNH THỨC ĐỢT 1 NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Thông báo số 12.6/TB-TDTHCM ngày 21 tháng 11 năm 2025)

TT	MÔN HỌC	Số tín chỉ	Số giờ	Đợt	ĐỢT 1																											
				Tháng	Tháng 12/2025																											
				Tuần	1						2							3							4							
				Ngày	01/12/2025 - 06/12/2025						08/12/2025 - 13/12/2025							15/12/2025 - 20/12/2025							22/12/2025 - 27/12/2025							
				Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7				
				Ngày Thứ	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12				
1	Anh văn 1	3	45	7 đến 12	101	102	101	102	101	102	101																					
2	Anh văn 2	2	30	7 đến 12									102	101	102	101	102															
3	Anh văn 3	2	30	7 đến 12																												
4	Anh văn 4	3	45	7 đến 12																												
5	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	30	1 đến 10					Khoa QL																							
6	Toán thống kê	2	30	1 đến 10											Khoa QL																	
7	Luật thể dục thể thao	2	30	1 đến 10																Khoa QL												
8	Huấn luyện sức mạnh và thể lực	2	30	1 đến 10					103	103	103																					
9	Tuyển chọn và đào tạo vận động viên	3	45	1 đến 10																												
10	Vệ sinh học	2	30	1 đến 10									301		301		301															
11	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	30	1 đến 10													301		301		301											
12	Sinh hóa	2	30	1 đến 10																												
13	Tâm lý thể dục thể thao	2	30	1 đến 10									302		302		302															
14	Giao tiếp sư phạm	2	30	1 đến 10														302		302		302										
15	Tâm lý đại cương	3	45	7 đến 12											303		303		303		303		303		303		303		303			
16	Giáo dục học đại cương	3	45	7 đến 12	305	305	305	305	305	305	305	305																				
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	7 đến 12																												

182

TT	MÔN HỌC	Số tín chị	Số giờ	Đợt	ĐỢT 1																																
				Tháng	Tháng 12/2025																																
				Tuần	1							2							3							4											
				Ngày	01/12/2025 - 06/12/2025							08/12/2025 - 13/12/2025							15/12/2025 - 20/12/2025							22/12/2025 - 27/12/2025											
				Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7									
				Ngày Thứ	01/12	02/12	03/12	04/12	05/12	06/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12	13/12	15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12									
18	Triết học Mác lênin	3	45	1 đến 10	206	206	206	206	206																												
19	Kinh tế chính trị	2	30	1 đến 10							206	206	206																								
20	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	1 đến 10										206	206	206																					
21	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	1 đến 10																							206	206	206								
22	Phổ tu Điền kinh	2	60	1 đến 10											Sân Điền kinh																						
23	Phổ tu Thể dục	2	60	1 đến 10										Nhà tập Thể dục																							
24	Phổ tu Bơi lội	3	90	1 đến 10													Hồ bơi																				
25	Phổ tu Bóng rổ	2	60	1 đến 10										Nhà tập Bóng rổ																							

GHI CHÚ:

THỜI GIAN CỦA CÁC TIẾT HỌC LẠI	
BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Tiết 1-2 : 7h00' - 8h40'	Tiết 7-8 : 13h00' - 14h40'
Tiết 3-4 : 8h50' - 10h30'	Tiết 9-10 : 14h50' - 16h30'
Tiết 5-6 : 10h40' - 12h20'	Tiết 11-12 : 16h40' - 18h20'

Handwritten signature

DỰ THẢO DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA ĐẠI HỌC LẠI ĐỢT 1 NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Thông báo số 126/TB-TDTTHCM ngày 21 tháng 11 năm 2025)

Lưu ý:

- Từ ngày 21/11/2025 đến 16h00 ngày 26/11/2025, sinh viên vui lòng kiểm tra danh sách dự thảo học lại được công bố.
- Trường hợp chuyển khoản không đủ lệ phí học lại, sinh viên cần thanh toán phần còn thiếu cho Trường để được đưa vào danh sách học chính thức.
- Trường hợp đã chuyển khoản lệ phí học lại nhưng không có tên trong danh sách, sinh viên liên hệ trực tiếp với Thầy Thanh – Bộ phận Đào tạo để được hỗ trợ giải quyết.
- Sau thời gian trên, các trường hợp phát sinh sẽ được chuyển sang đợt học lại tiếp theo và không được giải quyết trong đợt học lại hiện tại.

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
1	2059062021	Huỳnh Trường	Thành	BR	HLTT	43	Anh văn 1	3	
2	2059112001	Đinh Phúc	An	VT	HLTT	43	Anh văn 1	3	
3	2159082044	Trương Minh	Tiến	BC	HLTT	44	Anh văn 1	3	
4	2259042009	Nguyễn Phan	Bách	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
5	2259042015	Đinh Bá Hoàng	Đạt	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
6	2259042015	Đinh Bá Hoàng	Đạt	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
7	2259042077	Phạm	Quyền	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
8	2259042099	Nguyễn Trần Quốc	Toàn	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	Thiếu 840k
9	2259042100	Huỳnh Duy	Trà	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
10	2259042102	Trần Đình	Triết	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
11	2259042112	Hoàng Văn	Vũ	BĐ	HLTT	45	Anh văn 1	3	
12	2259082010	Nguyễn Hà Trung	Kiên	BC	HLTT	45	Anh văn 1	3	
13	2259082029	Phạm Văn	Tinh	BC	HLTT	45	Anh văn 1	3	
14	2253434015	Đỗ Trọng	Nguyên	QL	QLTDTT	45	Anh văn 1	3	
15	2359042015	Hồ Khánh	Đăng	BĐ	HLTT	46	Anh văn 1	3	
16	2359042028	Nguyễn An	Dương	BĐ	HLTT	46	Anh văn 1	3	
17	2359042046	Nguyễn Đức	Huân	BĐ	HLTT	46	Anh văn 1	3	
18	2359062029	Võ Đắc Song	Toàn	BR	HLTT	46	Anh văn 1	3	
19	2359062031	Vũ Quang	Trường	BR	HLTT	46	Anh văn 1	3	
20	2359082054	Trần Mậu	Thinh	BC	HLTT	46	Anh văn 1	3	
21	2359112052	Trần Tân	Thanh	VT	HLTT	46	Anh văn 1	3	
22	2353434020	Lê Hoàng Bảo	Long	QL	QLTDTT	46	Anh văn 1	3	
23	2353434039	Đoàn Tiến	Vinh	QL	QLTDTT	46	Anh văn 1	3	
24	2353053016	Trần Nhân	Nghĩa	YS	YSHTDTT	46	Anh văn 1	3	
25	2459112023	Đoàn Quang Thế	Hiền	VT	HLTT	47	Anh văn 1	3	
26	2459112090	Đỗ Tường	Vy	VT	HLTT	47	Anh văn 1	3	
27	2139112011	Nguyễn Hải	Đăng	VT	HLTT	79TP	Anh văn 1	3	
28	2239052016	Nguyễn Đức Hồng	Phúc	CL	HLTT	80TP	Anh văn 1	3	
29	2339052002	Hà Kiều Tấn	Đại	CL	HLTT	81TP	Anh văn 1	3	
30	2339112010	Trần Mỹ	Duyên	VT	HLTT	81TP	Anh văn 1	3	
31	2339112011	Nguyễn Trường	Giang	VT	HLTT	81TP	Anh văn 1	3	
32	2339112022	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	VT	HLTT	81TP	Anh văn 1	3	
33	2339112035	Nguyễn Võ Nhật	Tiến	VT	HLTT	81TP	Anh văn 1	3	
34	2339112039	Nguyễn Đình	Văn	VT	HLTT	81TP	Anh văn 1	3	
35	2439112029	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	VT	HLTT	82TP	Anh văn 1	3	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
36	2153434033	Lê Ngọc Bảo	Toàn	QL	QLTDTT	44	Anh văn 2	2	
37	2259042015	Đinh Bá Hoàng	Đạt	BĐ	HLTT	45	Anh văn 2	2	
38	2259042046	Trần Quốc	Khánh	BĐ	HLTT	45	Anh văn 2	2	
39	2259042099	Nguyễn Trần Quốc	Toàn	BĐ	HLTT	45	Anh văn 2	2	Thiếu 840k
40	2259052003	Nguyễn Hữu Phú	Cường	CL	HLTT	45	Anh văn 2	2	
41	2259062009	Nguyễn Minh	Khang	BR	HLTT	45	Anh văn 2	2	
42	2259062021	Nguyễn Tấn	Phúc	BR	HLTT	45	Anh văn 2	2	
43	2259102003	Phan Nguyễn Công	Minh	CV	HLTT	45	Anh văn 2	2	
44	2259112044	Vũ Tấn	Tài	VT	HLTT	45	Anh văn 2	2	
45	2359042018	Phạm Văn	Đạt	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
46	2359042028	Nguyễn An	Dương	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
47	2359042052	Châu Ngọc	Huy	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
48	2359042065	Thị Hoàng	Kha	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
49	2359042069	Trần Minh	Khang	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
50	2359042073	Lâm Chí	Khanh	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
51	2359042126	Hà Tấn	Phát	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
52	2359042140	Mai Tấn	Phường	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
53	2359042158	Trần Văn Chí	Tâm	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
54	2359042165	Võ Hoàng	Thịnh	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
55	2359042170	Ôn Tấn	Tiến	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
56	2359042177	Đào Minh	Trí	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
57	2359042183	Nguyễn Đặng Đăng	Trường	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
58	2359042194	Nguyễn Văn	Ý	BĐ	HLTT	46	Anh văn 2	2	
59	2359082009	Phan Nguyễn Đăng	Duy	BC	HLTT	46	Anh văn 2	2	
60	2359082015	Phạm Xuân	Hồng	BC	HLTT	46	Anh văn 2	2	
61	2359082016	Mai Đình	Huân	BC	HLTT	46	Anh văn 2	2	
62	2359082042	Nguyễn Hoàng Bảo	Phước	BC	HLTT	46	Anh văn 2	2	
63	2359082048	Nguyễn Thái	Sơn	BC	HLTT	46	Anh văn 2	2	
64	2359082060	Phạm Nguyên	Triệu	BC	HLTT	46	Anh văn 2	2	
65	2359112019	Võ Đặng Hoàng	Huân	VT	HLTT	46	Anh văn 2	2	
66	2359112052	Trần Tấn	Thanh	VT	HLTT	46	Anh văn 2	2	
67	2459012030	Hà Văn	Phước	ĐK	HLTT	47	Anh văn 2	2	
68	2459042007	Bạch Bảo	Bằng	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
69	2459042021	Lê Tường	Danh	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
70	2459042025	Châu Tiến	Đạt	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
71	2459042027	Nguyễn Phát	Đạt	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
72	2459042030	Nguyễn Văn	Đạt	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
73	2459042031	Phạm Tấn	Đạt	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
74	2459042037	Nguyễn Như Quốc	Dũng	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
75	2459042139	Nguyễn Vương Cường	Thịnh	BĐ	HLTT	47	Anh văn 2	2	
76	2459052037	Phạm Lê Anh	Tuấn	CL	HLTT	47	Anh văn 2	2	
77	2459052068	Nguyễn Mạnh	Tiến	CL	HLTT	47	Anh văn 2	2	
78	2459112041	Lê Đại	Lực	VT	HLTT	47	Anh văn 2	2	
79	2459112079	Đặng Tấn	Trôi	VT	HLTT	47	Anh văn 2	2	
80	2459112084	Nguyễn Thanh	Tùng	VT	HLTT	47	Anh văn 2	2	
81	2459112089	Nguyễn Trường An	Vinh	VT	HLTT	47	Anh văn 2	2	
82	1933432063	Phạm Thị	Phương	QL	HLTT	77TP	Anh văn 2	2	
83	2139112011	Nguyễn Hải	Đăng	VT	HLTT	79TP	Anh văn 2	2	
84	2159112019	Nguyễn Đình Minh	Khuê	VT	HLTT	79TP	Anh văn 2	2	
85	2239052016	Nguyễn Đức Hồng	Phúc	CL	HLTT	80TP	Anh văn 2	2	
86	2239112003	Võ Quyền	Anh	VT	HLTT	80TP	Anh văn 2	2	
87	2233434014	Nguyễn Trung	Nam	QL	QLTDTT	80TP	Anh văn 2	2	

THẺ
TRU
ĐẠI
C
DỤC
THÂN
HỒ C
8

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
88	2339012014	Tạ Thanh	Hoàng	VT	HLTT	81TP	Anh văn 2	2	
89	2159042055	Trịnh Thái	Kiệt	BĐ	HLTT	44	Anh văn 3	2	
90	2159082044	Trương Minh	Tiến	BC	HLTT	44	Anh văn 3	2	
91	2259022007	Võ Thị Thu	Thảo	TD	HLTT	45	Anh văn 3	2	
92	2259042021	Nguyễn Tiến	Dũng	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
93	2259042027	Nguyễn Thị Thu	Hoài	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
94	2259042045	Trương Minh	Khang	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
95	2259042046	Trần Quốc	Khánh	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
96	2259042052	Tiêu Nhật	Long	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
97	2259042077	Phạm	Quyền	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
98	2259042093	Nguyễn Tấn	Thành	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
99	2259042104	Nguyễn Thành	Trung	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
100	2259042106	Dương Văn	Trung	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
101	2259042112	Hoàng Văn	Vũ	BĐ	HLTT	45	Anh văn 3	2	
102	2259062024	Phùng An	Thái	BR	HLTT	45	Anh văn 3	2	
103	2259112016	Triệu Thanh	Hải	VT	HLTT	45	Anh văn 3	2	
104	2259112025	Đặng Ngọc Trúc	Linh	VT	HLTT	45	Anh văn 3	2	
105	2259112030	Y Tha Nu	Miô	VT	HLTT	45	Anh văn 3	2	
106	2259112068	Nguyễn Lê Anh	Vũ	VT	HLTT	45	Anh văn 3	2	
107	2253434005	Hoàng Công	Hoà	QL	QLTDTT	45	Anh văn 3	2	
108	2253434006	Dương Phước	Huy	QL	QLTDTT	45	Anh văn 3	2	
109	2253434010	Lê Nhĩ	Khang	QL	QLTDTT	45	Anh văn 3	2	
110	2253053003	Trần Nguyễn An	Bình	YS	YSHTDTT	45	Anh văn 3	2	
111	2253053012	Nguyễn Hoàng	Lâm	YS	YSHTDTT	45	Anh văn 3	2	
112	2253053013	Nguyễn Thiên	Phúc	YS	YSHTDTT	45	Anh văn 3	2	
113	2253053013	Nguyễn Thiên	Phúc	YS	YSHTDTT	45	Anh văn 3	2	
114	2253053022	Từ Khánh Anh	Tín	YS	YSHTDTT	45	Anh văn 3	2	
115	2359082016	Mai Đình	Huân	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
116	2359082040	Lê Nguyễn Duy	Phong	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
117	2359082042	Nguyễn Hoàng Bảo	Phước	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
118	2359082055	Trần Hoàng	Thức	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
119	2359082060	Phạm Nguyễn	Triệu	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
120	2359082064	Nguyễn Anh	Tuấn	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
121	2359082067	Hà Tiểu	Vạn	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
122	2359082069	Đoàn Đình Tiên	Vương	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
123	2359082069	Đoàn Đình Tiên	Vương	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
124	2359082308	Đỗ Tiến	Phát	BC	HLTT	46	Anh văn 3	2	
125	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Anh văn 3	2	
126	2159112019	Nguyễn Đình Minh	Khuê	VT	HLTT	79TP	Anh văn 3	2	
127	2239052001	Trần Tiến	Đạt	CL	HLTT	80TP	Anh văn 3	2	
128	2239112006	Trần Minh	Châu	VT	HLTT	80TP	Anh văn 3	2	
129	2239112012	Lê Thị	Hậu	VT	HLTT	80TP	Anh văn 3	2	
130	2239112022	Thủy Thị Phương	Ngân	VT	HLTT	80TP	Anh văn 3	2	
131	2239112036	Trần Thị Ánh	Phương	VT	HLTT	80TP	Anh văn 3	2	
132	2239112045	Trần Quang	Trung	VT	HLTT	80TP	Anh văn 3	2	
133	2233434014	Nguyễn Trung	Nam	QL	QLTDTT	80TP	Anh văn 3	2	
134	2339112039	Nguyễn Đình	Văn	VT	HLTT	81TP	Anh văn 3	2	
135	2059112001	Đình Phúc	An	VT	HLTT	43	Anh văn 4	3	
136	2159042049	Y Quốc	Khang	BĐ	HLTT	44	Anh văn 4	3	
137	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Anh văn 4	3	
138	2159082044	Trương Minh	Tiến	BC	HLTT	44	Anh văn 4	3	
139	2259042010	Trần Ngọc	Bửu	BĐ	HLTT	45	Anh văn 4	3	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
140	2259042077	Phạm	Quyền	BĐ	HLTT	45	Anh văn 4	3	
141	2259042104	Nguyễn Thành	Trung	BĐ	HLTT	45	Anh văn 4	3	
142	2259112057	Tạ Hoài	Thương	VT	HLTT	45	Anh văn 4	3	
143	2359012044	Trần Thị Phi	Yến	ĐK	HLTT	46	Anh văn 4	3	
144	2359032020	Lương Đình	Thi	BL	HLTT	46	Anh văn 4	3	
145	2359042021	Nguyễn Hưng	Diễn	BĐ	HLTT	46	Anh văn 4	3	
146	2359042150	Mai Duy	Quyển	BĐ	HLTT	46	Anh văn 4	3	
147	2359082034	Phạm Thảo	Nguyên	BC	HLTT	46	Anh văn 4	3	
148	2359082059	Trần Thị Thuý	Trang	BC	HLTT	46	Anh văn 4	3	
149	2353434017	Trần Lê Anh	Kiệt	QL	QLTDDT	46	Anh văn 4	3	
150	2139112011	Nguyễn Hải	Đang	VT	HLTT	79TP	Anh văn 4	3	
151	2233434014	Nguyễn Trung	Nam	QL	QLTDDT	80TP	Anh văn 4	3	
152	2053434001	Lê Tuấn	Anh	QL	QLTDDT	43	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
153	2159042056	Mai Thiên	Kim	BĐ	HLTT	44	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
154	2159052017	Lê Thị Yến	Nhi	CL	HLTT	44	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
155	2159112037	Phan Tấn	Phú	VT	HLTT	44	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
156	2259032014	Lê Đại	Khoẻ	BL	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
157	2259042021	Nguyễn Tiến	Dũng	BĐ	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
158	2259042030	Nguyễn Việt	Hoàng	BĐ	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
159	2259042068	Nguyễn Tuấn	Phi	BĐ	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
160	2259052016	Nguyễn Tiến	Tuấn	CL	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
161	2259052017	Lê Thanh	Huyền	CL	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
162	2259072002	Phan Hữu	Nhân	BB	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
163	2259112030	Y Tha Nu	Mlo	VT	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
164	2259402088	Phan Quang	Thắng	BĐ	HLTT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
165	2253053003	Trần Nguyễn An	Bình	YS	YSHTDDT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
166	2253053014	Nguyễn Minh	Quân	YS	YSHTDDT	45	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
167	2359012007	Nguyễn Hữu	Diễn	ĐK	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
168	2359042068	Trần Hoàng	Khang	BĐ	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
169	2359042089	Hồ Trí	Lâm	BĐ	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
170	2359042181	Nguyễn Mạnh	Triệu	BĐ	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
171	2359042189	Nguyễn Quốc	Vinh	BĐ	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
172	2359052013	Võ Nguyễn Gia	Huy	CL	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
173	2359052036	Tô Đông	Thanh	CL	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
174	2359062001	Phạm Tài Duy	Anh	BR	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
175	2359062029	Võ Đức Song	Toàn	BR	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
176	2359082014	Bùi Lê Gia	Hoà	BC	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
177	2359082044	Phan Văn	Quốc	BC	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
178	2359082048	Nguyễn Thái	Son	BC	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
179	2359112056	Nguyễn Tấn	Thành	VT	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
180	2359112062	Trần Thị Tuyết	Trần	VT	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
181	2359112070	Hoàng Minh	Tuấn	VT	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
182	2459032020	Lương Đình	Thi	BL	HLTT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
183	2353053003	Lê Đức	Anh	YS	YSHTDDT	46	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
184	2459012009	Trần Phong	Dinh	ĐK	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
185	2459012032	Nguyễn Ngọc	Quyết	ĐK	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
186	2459042081	Phan Tuấn	Khanh	BĐ	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
187	2459042110	Nguyễn Khánh	Nguyên	BĐ	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
188	2459042112	Dương Văn	Nhân	BĐ	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
189	2459052009	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	CL	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
190	2459052049	Phan Thành	Nhân	CL	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
191	2459052058	Lê Thiên	Quốc	CL	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
192	2459112036	Nguyễn Minh	Kiệt	VT	HLTT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
193	2453053026	Đặng Huỳnh Đức	Tài	YS	YSHTDĐT	47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
194	2239052016	Nguyễn Đức Hồng	Phúc	CL	HLTT	80TP	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
195	2439112047	Nguyễn Thị Thu	Nhi	VT	HLTT	82TP	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
196	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
197	2259042059	Nguyễn Duy	Nghĩa	BĐ	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
198	2259042077	Phạm	Quyên	BĐ	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
199	2259072001	Võ Huỳnh Thái	Dương	BB	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
200	2259082007	Trần Quốc	Hoài	BC	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
201	2259082021	Nguyễn Lê Vũ	Thanh	BC	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
202	2259082032	Trần Quốc	Tú	BC	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
203	2259112002	Dương Thế	Anh	VT	HLTT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
204	2253434013	Nguyễn Ngô Việt	Nghiêm	QL	QLTDDT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
205	2253434014	Phạm Phúc	Nguyên	QL	QLTDDT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
206	2253053017	Hà Chí	Thiện	YS	YSHTDĐT	45	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
207	2359022002	Huỳnh Minh	Đức	TD	HLTT	46	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
208	2359022008	Nguyễn Phi	Trương	TD	HLTT	46	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
209	2359082019	Võ Lê Nhựt	Huy	BC	HLTT	46	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
210	2359082045	Thân Trọng	Quý	BC	HLTT	46	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
211	2359112077	Ngô Thế	Vinh	VT	HLTT	46	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
212	2353434019	Phan Nguyễn Hoàng	Lê	QL	QLTDDT	46	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
213	2459042019	Bế Văn	Đan	BĐ	HLTT	47	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
214	2459042021	Lê Tường	Danh	BĐ	HLTT	47	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
215	2459042025	Châu Tiến	Đạt	BĐ	HLTT	47	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
216	2459042031	Phạm Tấn	Đạt	BĐ	HLTT	47	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
217	1933432063	Phạm Thị	Phượng	QL	HLTT	77VL	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
218	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
219	2239052001	Trần Tiến	Đạt	CL	HLTT	80TP	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
220	2239112001	Dương Trúc	Anh	VT	HLTT	80TP	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
221	2239112005	Lâm Gia	Bảo	VT	HLTT	80TP	Giải phẫu (GD, HL, QL)	2	
222	1959012004	Nguyễn Thị Thùy	Dương	ĐK	HLTT	42	Giáo dục học đại cương	3	
223	1959112050	Lâm Kim	Yến	VT	HLTT	42	Giáo dục học đại cương	3	
224	2159012003	Đỗ Khánh	Duy	ĐK	HLTT	44	Giáo dục học đại cương	3	
225	2159012028	Nguyễn Hữu	Toàn	ĐK	HLTT	44	Giáo dục học đại cương	3	
226	2159042049	Y Quốc	Khang	BĐ	HLTT	44	Giáo dục học đại cương	3	
227	2159082051	Bùi Duy	Vũ	BC	HLTT	44	Giáo dục học đại cương	3	
228	2159112005	Nguyễn Tiến	Độ	VT	HLTT	44	Giáo dục học đại cương	3	
229	2159032005	Nguyễn Hoàng	Dung	BL	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
230	2259042021	Nguyễn Tiến	Dũng	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
231	2259042037	Trần Gia	Huy	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
232	2259042077	Phạm	Quyên	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
233	2259042099	Nguyễn Trần Quốc	Toàn	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
234	2259042104	Nguyễn Thành	Trung	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
235	2259042108	Trần Văn	Tùng	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
236	2259042108	Trần Văn	Tùng	BĐ	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
237	2259052009	Quách Gia	Huy	CL	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
238	2259082020	Vũ Quang	Thạch	BC	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
239	2259102001	Lê Ngọc	Hiếu	CV	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
240	2259112002	Dương Thế	Anh	VT	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
241	2259142003	Hồ Sĩ	Hiên	QV	HLTT	45	Giáo dục học đại cương	3	
242	2359012018	Nguyễn Việt	Khái	ĐK	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	
243	2359012038	Lê Thanh	Thủy	ĐK	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
244	2359052023	Nguyễn Hiếu	Minh	CL	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	
245	2359052023	Nguyễn Hiếu	Minh	CL	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	
246	2359082052	Huỳnh Quốc	Thắng	BC	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	
247	2359082055	Trần Hoàng	Thức	BC	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	Thiếu 420k
248	2359112032	Đặng Phước Tường	Nguyễn	VT	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	
249	2359112063	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	VT	HLTT	46	Giáo dục học đại cương	3	
250	2139112026	Nguyễn Quang	Huy	QL	HLTT	79TP	Giáo dục học đại cương	3	
251	2059042038	Huỳnh Minh	Nhật	BĐ	HLTT	43	Giao tiếp sư phạm	2	
252	2059112001	Đình Phúc	An	VT	HLTT	43	Giao tiếp sư phạm	2	
253	2159012003	Đỗ Khánh	Duy	ĐK	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
254	2159012028	Nguyễn Hữu	Toàn	ĐK	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
255	2159062005	Nguyễn Thành	Đạt	BR	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
256	2159082026	Nguyễn Văn	Mạnh	BC	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
257	2159112005	Nguyễn Tiến	Độ	VT	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
258	2159112037	Phan Tấn	Phú	VT	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
259	2159132001	Trương Quốc	Anh	BS	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
260	2159032005	Nguyễn Hoàng	Dung	BL	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
261	2259012003	Phan Phúc	Đại	ĐK	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
262	2259042010	Trần Ngọc	Bửu	BĐ	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
263	2259042077	Phạm	Quyên	BĐ	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
264	2259052009	Quách Gia	Huy	CL	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
265	2259082009	Phạm Quốc	Khang	BC	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
266	2259082029	Phạm Văn	Tinh	BC	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
267	2259112008	Nguyễn Thành	Đạt	VT	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
268	2259112026	Ma Tuấn	Lợi	VT	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
269	2259112036	Bá Nguyễn Trọng	Nhân	VT	HLTT	45	Giao tiếp sư phạm	2	
270	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Giao tiếp sư phạm	2	
271	2359042087	Ngô Vĩnh	Kỳ	BĐ	HLTT	46	Giao tiếp sư phạm	2	
272	2359042140	Mai Tấn	Phường	BĐ	HLTT	46	Giao tiếp sư phạm	2	
273	2359052023	Nguyễn Hiếu	Minh	CL	HLTT	46	Giao tiếp sư phạm	2	
274	2359082006	Ngô Hoàng	Đa	BC	HLTT	46	Giao tiếp sư phạm	2	
275	2459142004	Nguyễn Bá	Phong	QV	HLTT	47	Giao tiếp sư phạm	2	
276	2239112042	Bùi Hữu	Tài	VT	HLTT	80TP	Giao tiếp sư phạm	2	
277	2439112054	Trương Hoàng	Phuca	VT	HLTT	82TP	Giao tiếp sư phạm	2	
278	2159052025	Cà Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Giao tiếp sư phạm	2	
279	2159012003	Đỗ Khánh	Duy	ĐK	HLTT	44	Huấn luyện SM và TL	2	
280	2159012010	Lưu Đình Chí	Khang	ĐK	HLTT	44	Huấn luyện SM và TL	2	
281	2159012028	Nguyễn Hữu	Toàn	ĐK	HLTT	44	Huấn luyện SM và TL	2	
282	2159082026	Nguyễn Văn	Mạnh	BC	HLTT	44	Huấn luyện SM và TL	2	
283	2159112001	Lê Trọng	Bách	VT	HLTT	44	Huấn luyện SM và TL	2	
284	2259032035	Tăng Thị Tường	Vy	BL	HLTT	45	Huấn luyện SM và TL	2	
285	2359012016	Bùi Nguyễn Hoàng	Huy	ĐK	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
286	2359042045	Nguyễn Huy	Hoàng	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
287	2359042068	Trần Hoàng	Khang	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
288	2359042074	Võ Hoàng	Khanh	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
289	2359042076	Võ Quốc	Khánh	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
290	2359042109	Lê Hữu	Nghĩa	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
291	2359042126	Hà Tấn	Phát	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
292	2359042128	Lê Đình	Phong	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
293	2359042158	Trần Văn Chí	Tâm	BĐ	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
294	2359052026	Hồ Hạo	Nhiên	CL	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
295	2359062001	Phạm Tài Duy	Anh	BR	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
296	2359082038	Đỗ Tiến	Phát	BC	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
297	2359082040	Lê Nguyễn Duy	Phong	BC	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
298	2359082061	Trần Thị Xuân	Trúc	BC	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
299	2359102002	Lê Quang	Khải	CV	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
300	2359112007	Phạm Xuân	Đạt	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
301	2359112009	Trần Kim Ngọc	Diệu	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
302	2359112015	Nguyễn Hữu	Hòa	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
303	2359112022	Trần Kim Hoàng	Kiểm	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
304	2359112044	Nguyễn Duy	Sơn	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
305	2359112058	Võ Thị Kiều	Tiên	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
306	2359112063	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	Vật	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
307	2359112063	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
308	2359112068	Vi Phan Nhật	Truyền	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
309	2359112079	Lê Phương	Vũ	VT	HLTT	46	Huấn luyện SM và TL	2	
310	2159042108	Trần Hữu	Trung	BĐ	HLTT	44	Kinh tế chính trị	2	
311	2259042012	Nguyễn Chí	Đại	BĐ	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
312	2259042045	Trương Minh	Khang	BĐ	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
313	2259042052	Tiêu Nhật	Long	BĐ	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
314	2259042110	Lê Hồng	Vinh	BĐ	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
315	2259052011	Cao Trường	Thành	CL	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
316	2259052016	Nguyễn Tiến	Tuấn	CL	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
317	2259062008	Lâm Thế	Huy	BR	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
318	2259082036	Mai Quốc	Vinh	BC	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
319	2259112010	Nguyễn Tiến	Đạt	VT	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
320	2259112044	Vũ Tấn	Tài	VT	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
321	2259112058	Đinh Thị Mỹ	Tiên	VT	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
322	2259112065	Phạm Thái	Tuấn	VT	HLTT	45	Kinh tế chính trị	2	
323	2253053008	Nguyễn Văn	Hiếu	YS	YSHTD TT	45	Kinh tế chính trị	2	
324	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
325	2359042046	Nguyễn Đức	Huân	BĐ	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
326	2359042109	Lê Hữu	Nghĩa	BĐ	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
327	2359042128	Lê Đình	Phong	BĐ	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
328	2359042140	Mai Tấn	Phường	BĐ	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
329	2359042150	Mai Duy	Quyển	BĐ	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
330	2359042158	Trần Văn Chí	Tâm	BĐ	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
331	2359052007	Nguyễn Tấn	Đạt	CL	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
332	2359052013	Võ Nguyễn Gia	Huy	CL	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
333	2359052031	Nguyễn Hoàng Anh	Phi	CL	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
334	2359062034	Đặng Ngọc	Vỹ	BR	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
335	2359082009	Phan Nguyễn Đăng	Duy	BC	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
336	2359082022	Phạm Nguyễn Quốc	Huy	BC	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
337	2359082023	Nguyễn Như	Huy	BC	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
338	2359082044	Phan Văn	Quốc	BC	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
339	2359082048	Nguyễn Thái	Sơn	BC	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
340	2359112031	Huỳnh Thu	Ngọc	VT	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
341	2359112058	Võ Thị Kiều	Tiên	VT	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
342	2359132001	Nguyễn Thị Bích	Chi	BS	HLTT	46	Kinh tế chính trị	2	
343	2459012023	Huỳnh Khánh	Linh	ĐK	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	
344	2459042035	Nguyễn Phúc	Đức	BĐ	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	
345	2459042042	Nguyễn Lê Ánh	Dương	BĐ	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	
346	2459082049	Nguyễn Quốc	Kiệt	BC	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	
347	2459112056	Dương Nguyễn Yến	Nhi	VT	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
348	2459112072	Dương Quốc	Tấn	VT	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	
349	2459112075	Nguyễn Trường	Thịnh	VT	HLTT	47	Kinh tế chính trị	2	
350	2239112012	Lê Thị	Hậu	VT	HLTT	80TP	Kinh tế chính trị	2	
351	2239112022	Thủy Thị Phương	Ngân	VT	HLTT	80TP	Kinh tế chính trị	2	
352	2239112024	Bùi Trí	Nghĩa	VT	HLTT	80TP	Kinh tế chính trị	2	
353	2239112036	Trần Thị Ánh	Phương	VT	HLTT	80TP	Kinh tế chính trị	2	
354	2439112025	Bùi Trần Xuân	Hương	VT	HLTT	82TP	Kinh tế chính trị	2	
355	2439112073	Nguyễn Lê Phương	Trang	VT	HLTT	82TP	Kinh tế chính trị	2	
356	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Kinh tế chính trị	2	
357	1959112019	Trần Thiên	Kim	VV	HLTT	42	Lịch sử Đảng CSVN	2	
358	1953434018	Bùi Nhật	Ngoan	QL	QLTDTT	42	Lịch sử Đảng CSVN	2	
359	1953053017	Lê Quốc	Thắng	YS	YSHTDTT	42	Lịch sử Đảng CSVN	2	
360	2059081011	Nguyễn Thành	Phát	BC	GDTC	43	Lịch sử Đảng CSVN	2	
361	2059012008	Vương Quốc	Phú	ĐK	HLTT	43	Lịch sử Đảng CSVN	2	
362	2059112035	Nguyễn Tấn	Sang	VT	HLTT	43	Lịch sử Đảng CSVN	2	
363	2159042077	Vũ Đức	Phát	BĐ	HLTT	44	Lịch sử Đảng CSVN	2	
364	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Lịch sử Đảng CSVN	2	
365	2159132001	Trương Quốc	Anh	BS	HLTT	44	Lịch sử Đảng CSVN	2	
366	2153434022	Đoàn Quang	Nguyên	QL	QLTDTT	44	Lịch sử Đảng CSVN	2	
367	2153434033	Lê Ngọc Bảo	Toàn	QL	QLTDTT	44	Lịch sử Đảng CSVN	2	
368	2259082016	Phạm Gia	Quốc	BC	HLTT	45	Lịch sử Đảng CSVN	2	
369	2259102001	Lê Ngọc	Hiếu	CV	HLTT	45	Lịch sử Đảng CSVN	2	
370	2259102003	Phan Nguyễn Công	Minh	CV	HLTT	45	Lịch sử Đảng CSVN	2	
371	2259102005	Lưu Hương Cường	Thịnh	CV	HLTT	45	Lịch sử Đảng CSVN	2	
372	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Lịch sử Đảng CSVN	2	
373	2239112005	Lâm Gia	Bảo	VT	HLTT	80TP	Lịch sử Đảng CSVN	2	
374	2159111003	Lê Mạnh	Đan	VT	GDTC	44	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
375	2153434033	Lê Ngọc Bảo	Toàn	QL	QLTDTT	44	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
376	2253434005	Hoàng Công	Hoà	QL	QLTDTT	45	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
377	2253434008	Nguyễn Phúc	Khang	QL	QLTDTT	45	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
378	2253053003	Trần Nguyễn An	Bình	YS	YSHTDTT	45	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
379	2253053008	Nguyễn Văn	Hiếu	YS	YSHTDTT	45	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
380	2253053010	Trần Văn	Huy	YS	YSHTDTT	45	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
381	2253053017	Hà Chí	Thiện	YS	YSHTDTT	45	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
382	2353434038	Kơ Liêng Bảo	Thuận	QL	QLTDTT	46	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
383	2453434011	Đào Thiện	Hải	QL	QLTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
384	2453053008	Nguyễn Anh	Hào	YS	YSHTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
385	2453053019	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	YS	YSHTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
386	2453053022	Bùi Minh	Nhật	YS	YSHTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
387	2453053023	Võ Công Đăng	Pha	YS	YSHTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
388	2453053027	Trương Anh	Tài	YS	YSHTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
389	2453053038	Nguyễn Ngọc	Trần	YS	YSHTDTT	47	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
390	1933432063	Phạm Thị	Phượng	QL	HLTT	77VL	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
391	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Lịch sử thể thao Việt Nam	2	
392	2059062010	Phan Minh	Khánh	BR	HLTT	43	Luật thể dục thể thao	2	
393	2059112035	Nguyễn Tấn	Sang	VT	HLTT	43	Luật thể dục thể thao	2	
394	2159052023	Nguyễn Việt	Thành	CL	HLTT	44	Luật thể dục thể thao	2	
395	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Luật thể dục thể thao	2	
396	2159082045	Nguyễn Thanh	Tiến	BC	HLTT	44	Luật thể dục thể thao	2	
397	2159132001	Trương Quốc	Anh	BS	HLTT	44	Luật thể dục thể thao	2	
398	2153434022	Đoàn Quang	Nguyên	QL	QLTDTT	44	Luật thể dục thể thao	2	
399	2153434033	Lê Ngọc Bảo	Toàn	QL	QLTDTT	44	Luật thể dục thể thao	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
400	2259022007	Võ Thị Thu	Thảo	TD	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
401	2259032032	Lữ Đình	Trí	BL	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
402	2259042009	Nguyễn Phan	Bách	BĐ	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
403	2259042021	Nguyễn Tiến	Dũng	BĐ	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
404	2259052010	Trần Trung	Kiên	CL	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
405	2259062002	Trương Huy	Bình	BR	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
406	2259062004	Huỳnh Hữu Chấn	Hào	BR	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
407	2259062005	Vương Minh	Hiếu	BR	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
408	2259062017	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	BR	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
409	2259062024	Phùng An	Thái	BR	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
410	2259112008	Nguyễn Thành	Đạt	VT	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
411	2259112030	Y Tha Nu	Miêu	VT	HLTT	45	Luật thể dục thể thao	2	
412	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Luật thể dục thể thao	2	
413	2239052017	Nguyễn Xuân	Quảng	CL	HLTT	80TP	Luật thể dục thể thao	2	
414	2239112005	Lâm Gia	Bảo	VT	HLTT	80TP	Luật thể dục thể thao	2	
415	2239112025	Nguyễn Thanh	Ngọc	VT	HLTT	80TP	Luật thể dục thể thao	2	
416	2339112004	Nguyễn Hữu	Dâu	VT	HLTT	81TP	Luật thể dục thể thao	2	
417	1859012009	Trần Quang	Linh	ĐK	HLTT	41	Phổ tu Bóng rổ	2	
418	2059072002	Văn Phương Bảo	Long	BB	HLTT	43	Phổ tu Bóng rổ	2	
419	2059122003	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	VT	HLTT	43	Phổ tu Bóng rổ	2	
420	2053434004	Nguyễn Trần Gia	Bảo	QL	QLTDTT	43	Phổ tu Bóng rổ	2	
421	2159072001	Trần Cao Minh	Duy	BB	HLTT	44	Phổ tu Bóng rổ	2	
422	2159082026	Nguyễn Văn	Mạnh	BC	HLTT	44	Phổ tu Bóng rổ	2	
423	2159082033	Lã Duy	Phương	BC	HLTT	44	Phổ tu Bóng rổ	2	
424	2153434005	Hoàng Hữu Khánh	Duy	QL	QLTDTT	44	Phổ tu Bóng rổ	2	
425	2153434011	Huỳnh Vũ Đăng	Khoa	QL	QLTDTT	44	Phổ tu Bóng rổ	2	
426	2153434020	Nguyễn Tấn	Nam	QL	QLTDTT	44	Phổ tu Bóng rổ	2	
427	2059062021	Huỳnh Trường	Thành	BR	HLTT	43	Phổ tu Bơi lội	2	
428	2059112001	Đình Phúc	An	VT	HLTT	43	Phổ tu Bơi lội	2	
429	2059112035	Nguyễn Tấn	Sang	VT	HLTT	43	Phổ tu Bơi lội	2	
430	2159012003	Đỗ Khánh	Duy	ĐK	HLTT	44	Phổ tu Bơi lội	2	
431	2159062030	Trương Quang	Tuấn	BR	HLTT	44	Phổ tu Bơi lội	2	
432	2159082026	Nguyễn Văn	Mạnh	BC	HLTT	44	Phổ tu Bơi lội	2	
433	2159112001	Lê Trọng	Bách	VT	HLTT	44	Phổ tu Bơi lội	2	
434	2259042099	Nguyễn Trần Quốc	Toàn	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
435	2259062008	Lâm Thế	Huy	BR	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
436	2259062011	Huỳnh Tuấn	Kiệt	BR	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
437	2259062016	Nguyễn Thành	Nhân	BR	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
438	2259062023	Huỳnh Khấu Minh	Quân	BR	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
439	2259062024	Phùng An	Thái	BR	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
440	2259082002	Nguyễn Thừa	Ấn	BC	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
441	2259082008	Võ Thị Thu	Hương	BC	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
442	2259112031	Huỳnh Phương	Nam	VT	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
443	2259112064	Nguyễn Văn	Trường	VT	HLTT	45	Phổ tu Bơi lội	2	
444	2359012018	Nguyễn Việt	Khái	ĐK	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
445	2359052002	Đỗ Nguyễn Trường	An	CL	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
446	2359052022	Nguyễn An	Minh	CL	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
447	2359052024	Nguyễn Tuấn	Minh	CL	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
448	2359052028	Kiều Tấn	Phát	CL	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
449	2359052039	Võ Hà Kiều	Trang	CL	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
450	2359052045	Ngô Thị Ngọc	Vy	CL	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	
451	2359102002	Lê Quang	Khải	CV	HLTT	46	Phổ tu Bơi lội	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
452	2359142002	Thái Thanh	Liêm	QV	HLTT	46	Phổ tu Bồi lợi	2	
453	2139112011	Nguyễn Hải	Đang	VT	HLTT	79TP	Phổ tu Bồi lợi	2	
454	2059062021	Huỳnh Trường	Thành	BR	HLTT	43	Phổ tu Điện kinh	2	
455	2059112001	Đinh Phúc	An	VT	HLTT	43	Phổ tu Điện kinh	2	
456	2059112011	Võ Đức	Hiên	VT	HLTT	43	Phổ tu Điện kinh	2	
457	2053053013	Bùi Huỳnh Minh	Khôi	YS	YSHTDĐT	43	Phổ tu Điện kinh	2	
458	2159042049	Y Quốc	Khang	BĐ	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
459	2159042056	Mai Thiên	Kim	BĐ	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
460	2159052017	Lê Thị Yến	Nhi	CL	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
461	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
462	2159062012	Nguyễn Tân	Khoa	BR	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
463	2159082026	Nguyễn Văn	Mạnh	BC	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
464	2159082045	Nguyễn Thanh	Tiến	BC	HLTT	44	Phổ tu Điện kinh	2	
465	2259022001	Trần Văn	Bình	TD	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
466	2259022004	Nguyễn Minh	Khang	TD	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
467	2259022008	Nguyễn Minh	Thuần	TD	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
468	2259022009	Nguyễn Khánh	Trình	TD	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
469	2259032002	Lê Duy	Anh	BL	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
470	2259042010	Trần Ngọc	Bửu	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
471	2259042022	Lâm Triều	Dương	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
472	2259042034	Nguyễn Đức	Huy	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
473	2259042045	Trương Minh	Khang	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
474	2259042046	Trần Quốc	Khánh	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
475	2259042077	Phạm	Quyền	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
476	2259042093	Nguyễn Tấn	Thành	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
477	2259042096	Phạm Hồng	Thủy	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
478	2259052011	Cao Trường	Thành	CL	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
479	2259062007	Võ Tuấn	Huy	BR	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
480	2259062012	Nguyễn Thành	Long	BR	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
481	2259062014	Lê Võ Sơn	Nam	BR	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
482	2259062015	Ngô Thanh	Nhân	BR	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
483	2259082002	Nguyễn Thừa	Ấn	BC	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
484	2259102006	Vũ Thị Tú	Uyên	CV	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
485	2259112057	Tạ Hoài	Thương	VT	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
486	2259112058	Đinh Thị Mỹ	Tiên	VT	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
487	2259112065	Phạm Thái	Tuấn	VT	HLTT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
488	2253053010	Trần Văn	Huy	YS	YSHTDĐT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
489	2253053013	Nguyễn Thiên	Phúc	YS	YSHTDĐT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
490	2253053017	Hà Chí	Thiện	YS	YSHTDĐT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
491	2553053013	Nguyễn Thiên	Phúc	YS	YSHTDĐT	45	Phổ tu Điện kinh	2	
492	2359032020	Lương Đình	Thi	BL	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
493	2359032024	Nguyễn Hoàng	Vũ	BL	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
494	2359042177	Đào Minh	Trí	BĐ	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
495	2359052006	Vương Huỳnh	Đạt	CL	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
496	2359062031	Vũ Quang	Trường	BR	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
497	2359082034	Phạm Thảo	Nguyên	BC	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
498	2359082052	Huỳnh Quốc	Thắng	BC	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
499	2359082067	Hà Tiểu	Vạn	BC	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
500	2359112025	Xuân Ánh	Linh	VT	HLTT	46	Phổ tu Điện kinh	2	
501	2459022002	Đinh Quang	Huy	TD	HLTT	47	Phổ tu Điện kinh	2	
502	2459022003	Nguyễn Ngọc Ánh	Minh	TD	HLTT	47	Phổ tu Điện kinh	2	
503	2459022006	Phùng Thanh	Quang	TD	HLTT	47	Phổ tu Điện kinh	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
504	2459022007	Vương Lâm Khánh	Tâm	TD	HLTT	47	Phổ tu Điền kinh	2	
505	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Phổ tu Điền kinh	2	
506	2239112002	Dương Trúc	Anh	VT	HLTT	80TP	Phổ tu Điền kinh	2	
507	2239112035	Phan Thị	Phụng	VT	HLTT	80TP	Phổ tu Điền kinh	2	
508	2239112050	Hồ Sỹ	Vu	VT	HLTT	80TP	Phổ tu Điền kinh	2	Thiếu 80k
509	2059062017	Nguyễn Huy	Quân	BR	HLTT	43	Phổ tu Thể dục	2	
510	2159112037	Phan Tấn	Phú	VT	HLTT	44	Phổ tu Thể dục	2	
511	2159112054	Nguyễn Quốc	Toàn	VT	HLTT	44	Phổ tu Thể dục	2	
512	2259042030	Nguyễn Việt	Hoàng	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
513	2259042037	Trần Gia	Huy	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
514	2259042099	Nguyễn Trần Quốc	Toàn	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
515	2259042106	Dương Văn	Trung	BĐ	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
516	2259052016	Nguyễn Tiến	Tuấn	CL	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
517	2259102003	Phan Nguyễn Công	Minh	CV	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
518	2259102006	Vũ Thị Tú	Uyên	CV	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
519	2259112002	Dương Thế	Anh	VT	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
520	2259112010	Nguyễn Tiến	Đạt	VT	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
521	2259112026	Ma Tuấn	Lợi	VT	HLTT	45	Phổ tu Thể dục	2	
522	2253053017	Hà Chí	Thiện	YS	YSHTDĐT	45	Phổ tu Thể dục	2	
523	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Phổ tu Thể dục	2	
524	2359052025	Nguyễn Gia	Nghĩa	CL	HLTT	46	Phổ tu Thể dục	2	
525	2353434020	Lê Hoàng Bảo	Long	QL	QLTDDT	46	Phổ tu Thể dục	2	
526	2459022001	Lê Hoàn	Hào	TD	HLTT	47	Phổ tu Thể dục	2	
527	2459052037	Phạm Lê Anh	Tuấn	CL	HLTT	47	Phổ tu Thể dục	2	
528	2239112005	Lâm Gia	Bảo	VT	HLTT	80TP	Phổ tu Thể dục	2	
529	2239112025	Nguyễn Thanh	Ngọc	VT	HLTT	80TP	Phổ tu Thể dục	2	
530	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Phổ tu thể dục	2	
531	2059112001	Đinh Phúc	An	VT	HLTT	43	Sinh hóa	2	
532	2159012003	Đỗ Khánh	Duy	ĐK	HLTT	44	Sinh hóa	2	
533	2159012028	Nguyễn Hữu	Toàn	ĐK	HLTT	44	Sinh hóa	2	
534	2159042055	Trịnh Thái	Kiệt	BĐ	HLTT	44	Sinh hóa	2	
535	2159112037	Phan Tấn	Phú	VT	HLTT	44	Sinh hóa	2	
536	2259022006	Hồ Thị Kim	Thảo	TD	HLTT	45	Sinh hóa	2	
537	2259042077	Phạm	Quyển	BĐ	HLTT	45	Sinh hóa	2	
538	2259042104	Nguyễn Thành	Trung	BĐ	HLTT	45	Sinh hóa	2	
539	2259082014	Trần Lý Thanh	Nhã	BC	HLTT	45	Sinh hóa	2	
540	2259112035	Phạm Hoàng Hiếu	Nhân	VT	HLTT	45	Sinh hóa	2	
541	2359012005	Trương Thị Bảo	Cúc	ĐK	HLTT	46	Sinh hóa	2	
542	2359052023	Nguyễn Hiếu	Minh	CL	HLTT	46	Sinh hóa	2	
543	2359082050	Nguyễn Hồ Quốc	Thắng	BC	HLTT	46	Sinh hóa	2	
544	2359112032	Đặng Phước Tường	Nguyên	VT	HLTT	46	Sinh hóa	2	
545	1933432063	Phạm Thị	Phượng	QL	HLTT	77VL	Sinh hóa	2	
546	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Sinh hóa	2	
547	2239112005	Lâm Gia	Bảo	VT	HLTT	80TP	Sinh hóa	2	
548	2239112025	Nguyễn Thanh	Ngọc	VT	HLTT	80TP	Sinh hóa	2	
549	2239112026	Trần Minh	Nhật	VT	HLTT	80TP	Sinh hóa	2	
550	2239112038	Trần Minh	Quân	Vật	HLTT	80TP	Sinh hóa	2	
551	2239112042	Bùi Hữu	Tài	VT	HLTT	80TP	Sinh hóa	2	
552	2239112049	Vũ Thế	Vinh	VT	HLTT	80TP	Sinh hóa	2	
553	2159042049	Y Quốc	Khang	BĐ	HLTT	44	Tâm lý đại cương	3	
554	2059062011	Huỳnh Tuấn	Kiệt	BR	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
555	2259012003	Phan Phúc	Đại	ĐK	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
556	2259012028	Huỳnh Trung	Tín	ĐK	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
557	2259042010	Trần Ngọc	Bửu	BĐ	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
558	2259042077	Phạm	Quyền	BĐ	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
559	2259042099	Nguyễn Trần Quốc	Toàn	BĐ	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
560	2259052011	Cao Trường	Thành	CL	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
561	2259052013	Lê Tiến	Thế	CL	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
562	2259062001	Lê Hoàng	Anh	BR	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
563	2259062008	Lâm Thế	Huy	BR	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
564	2259072001	Võ Huỳnh Thái	Dương	BB	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
565	2259072003	Trần Thanh	Thương	BB	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
566	2259082029	Phạm Văn	Tinh	BC	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
567	2259102001	Lê Ngọc	Hiếu	CV	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
568	2259102003	Phan Nguyễn Công	Minh	CV	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
569	2259112008	Nguyễn Thành	Đạt	VT	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
570	2259112058	Đinh Thị Mỹ	Tiên	VT	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	
571	2259112065	Phạm Thái	Tuấn	VT	HLTT	45	Tâm lý đại cương	3	Thiếu 420k
572	2253434005	Hoàng Công	Hoà	QL	QLTDDT	45	Tâm lý đại cương	3	
573	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
574	2359042028	Nguyễn An	Dương	BĐ	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	Thiếu 420k
575	2359042042	Nguyễn Việt	Hoàng	BĐ	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
576	2359042071	Nguyễn Minh	Khang	BĐ	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
577	2359042090	Nguyễn Trần Hồng	Lâm	BĐ	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	Thiếu 200k
578	2359042124	Lý Nhựt	Phạm	BĐ	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
579	2359062001	Phạm Tài Duy	Anh	BR	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
580	2359082006	Ngô Hoàng	Đa	BC	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
581	2359082019	Võ Lê Nhựt	Huy	BC	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
582	2359082021	Lê Minh	Huy	BC	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
583	2359082045	Thân Trọng	Quý	BC	HLTT	46	Tâm lý đại cương	3	
584	2459052037	Nguyễn Đức	Long	CL	HLTT	47	Tâm lý đại cương	3	
585	2139112011	Nguyễn Hải	Đang	VT	HLTT	79TP	Tâm lý đại cương	3	
586	2239112026	Trần Minh	Nhật	VT	HLTT	80TP	Tâm lý đại cương	3	
587	2239112042	Bùi Hữu	Tài	VT	HLTT	80TP	Tâm lý đại cương	3	
588	2059062021	Huỳnh Trường	Thành	BR	HLTT	43	Tâm lý thể dục thể thao	3	
589	2059112001	Đinh Phúc	An	VT	HLTT	43	Tâm lý thể dục thể thao	2	
590	2053053013	Bùi Huỳnh Minh	Khôi	YS	YSHTDDT	43	Tâm lý thể dục thể thao	2	
591	2159042030	Phạm Trung	Hậu	BĐ	HLTT	44	Tâm lý thể dục thể thao	3	
592	2159062015	Nguyễn Hồ Bảo	Lâm	BR	HLTT	44	Tâm lý thể dục thể thao	2	
593	2159082044	Trương Minh	Tiến	BC	HLTT	44	Tâm lý thể dục thể thao	3	
594	2159112005	Nguyễn Tiến	Độ	VT	HLTT	44	Tâm lý thể dục thể thao	2	
595	2259042077	Phạm	Quyền	BĐ	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	3	
596	2259052009	Quách Gia	Huy	CL	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	2	
597	2259052017	Lê Thanh	Huyền	CL	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	2	
598	2259062012	Nguyễn Thành	Long	BR	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	3	
599	2259112002	Dương Thế	Anh	VT	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	3	
600	2259112030	Y Tha Nu	Miô	VT	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	2	
601	2259112035	Phạm Hoàng Hiếu	Nhân	VT	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	3	
602	2259112042	Lê Minh	Quang	VT	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	2	
603	2259112058	Đinh Thị Mỹ	Tiên	VT	HLTT	45	Tâm lý thể dục thể thao	3	
604	2253434001	Hồ Đặng Phương	Anh	QL	QLTDDT	45	Tâm lý thể dục thể thao	2	
605	2253434015	Đỗ Trọng	Nguyễn	QL	QLTDDT	45	Tâm lý thể dục thể thao	2	
606	2359042023	Lâm Trường	Đô	BĐ	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	
607	2359042045	Nguyễn Huy	Hoàng	BĐ	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	

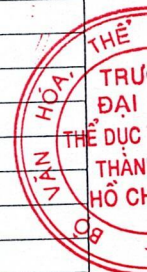
STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
608	2359042048	Nguyễn Bảo	Hưng	BĐ	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	
609	2359042082	Lương Trung	Kiên	BĐ	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	
610	2359042140	Mai Tấn	Phường	BĐ	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	
611	2359052023	Nguyễn Hiếu	Minh	CL	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	
612	2359082050	Nguyễn Hồ Quốc	Thắng	BC	HLTT	46	Tâm lý thể dục thể thao	2	
613	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Tâm lý thể dục thể thao	2	
614	2059062010	Phan Minh	Khánh	BR	HLTT	43	Toán thống kê	2	
615	2059062013	Nguyễn Đặng Thanh	Nhật	BR	HLTT	43	Toán thống kê	2	
616	2059112001	Đình Phúc	An	VT	HLTT	44	Toán thống kê	2	
617	2159042068	Mai Ngọc Thành	Nhân	BĐ	HLTT	44	Toán thống kê	2	
618	2159042108	Trần Hữu	Trung	BĐ	HLTT	44	Toán thống kê	2	
619	2159052023	Nguyễn Việt	Thành	CL	HLTT	44	Toán thống kê	2	
620	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Toán thống kê	2	
621	2159062030	Trương Quang	Tuấn	BR	HLTT	44	Toán thống kê	2	
622	2159112037	Phan Tấn	Phú	VT	HLTT	44	Toán thống kê	2	
623	2259051017	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	CL	GDTC	45	Toán thống kê	2	
624	2259022006	Hồ Thị Kim	Thảo	TD	HLTT	45	Toán thống kê	2	
625	2259032008	Bùi Công	Dương	BL	HLTT	45	Toán thống kê	2	
626	2259032014	Lê Đại	Khoê	BL	HLTT	45	Toán thống kê	2	
627	2259032022	Đặng Hà Như	Ngọc	BL	HLTT	45	Toán thống kê	2	
628	2259032032	Lữ Đình	Trí	BL	HLTT	45	Toán thống kê	2	
629	2259042030	Nguyễn Việt	Hoàng	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
630	2259042037	Trần Gia	Huy	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
631	2259042076	Nguyễn Lê Thanh	Quý	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
632	2259042095	Danh	Thứ	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
633	2259042100	Huỳnh Duy	Trà	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
634	2259042104	Nguyễn Thành	Trung	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
635	2259042112	Hoàng Văn	Vũ	BĐ	HLTT	45	Toán thống kê	2	
636	2259052005	Huỳnh Thanh	Hiên	CL	HLTT	45	Toán thống kê	2	
637	2259052013	Lê Tiến	Thế	CL	HLTT	45	Toán thống kê	2	
638	2259062008	Lâm Thế	Huy	BR	HLTT	45	Toán thống kê	2	
639	2259112016	Triệu Thanh	Hải	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
640	2259112025	Đặng Ngọc Trúc	Linh	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
641	2259112036	Bá Nguyễn Trọng	Nhân	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
642	2259112044	Vũ Tấn	Tài	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
643	2259112053	Võ Thị Thi	Thi	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
644	2259112054	Võ Thị Minh	Thi	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
645	2259112063	Dương Thị Ngọc	Trinh	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
646	2259112068	Nguyễn Lê Anh	Vũ	VT	HLTT	45	Toán thống kê	2	
647	2259142003	Hồ Sĩ	Hiên	QV	HLTT	45	Toán thống kê	2	
648	2253434006	Dương Phước	Huy	QL	QLTDTT	45	Toán thống kê	2	
649	2253434015	Đỗ Trọng	Nguyên	QL	QLTDTT	45	Toán thống kê	2	
650	2253053003	Trần Nguyễn An	Bình	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
651	2253053008	Nguyễn Văn	Hiếu	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
652	2253053010	Trần Văn	Huy	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
653	2253053013	Nguyễn Thiên	Phúc	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
654	2253053017	Hà Chí	Thiện	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
655	2253053020	Nguyễn Thị Mộng	Thủy	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
656	2253053013	Nguyễn Thiên	Phúc	YS	YSHTDTT	45	Toán thống kê	2	
657	2359012005	Trương Thị Bảo	Cúc	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	
658	2359012007	Nguyễn Hữu	Diễn	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	
659	2359012009	Trương Văn Đại	Dương	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
660	2359012021	Nguyễn Hồng Duy	Khanh	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	
661	2359012034	Dương Thanh	Thảo	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	
662	2359012036	Lê Đức	Thịnh	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	
663	2359012037	Phan Ngọc	Thọ	ĐK	HLTT	46	Toán thống kê	2	
664	2359032006	Lê Phạm Hải	Đăng	BL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
665	2359032015	Trần Hoàng Uyển	Nhi	BL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
666	2359032019	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	BL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
667	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
668	2359032023	Nguyễn Đình	Trương	BL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
669	2359032024	Nguyễn Hoàng	Vũ	BL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
670	2359042028	Nguyễn An	Dương	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
671	2359042043	Đình Đăng	Hoàng	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
672	2359042060	Trần Gia	Huy	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
673	2359042062	Nguyễn Anh	Kha	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
674	2359042068	Trần Hoàng	Khang	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
675	2359042139	Phạm Nguyễn Thiên	Phương	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
676	2359042150	Mai Duy	Quyển	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
677	2359042154	Bùi Thiên	Sung	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
678	2359042180	Huỳnh Nguyễn Minh	Triết	BĐ	HLTT	46	Toán thống kê	2	
679	2359052006	Vương Huỳnh	Đạt	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
680	2359052007	Nguyễn Tấn	Đạt	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
681	2359052009	Nguyễn Thành	Duy	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
682	2359052013	Võ Nguyễn Gia	Huy	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
683	2359052024	Nguyễn Tuấn	Minh	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
684	2359052025	Nguyễn Gia	Nghĩa	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
685	2359052029	Nguyễn Nhật	Phát	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
686	2359052031	Nguyễn Hoàng Anh	Phi	CL	HLTT	46	Toán thống kê	2	
687	2359062015	Trần Nguyễn Quốc	Huy	BR	HLTT	46	Toán thống kê	2	
688	2359062020	Vũ Đăng	Quân	BR	HLTT	46	Toán thống kê	2	
689	2359062029	Võ Đức Song	Toàn	BR	HLTT	46	Toán thống kê	2	
690	2359062031	Vũ Quang	Trường	BR	HLTT	46	Toán thống kê	2	
691	2359082001	Nguyễn Lương Ngọc	Anh	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
692	2359082002	Cao Văn Hoàng	Anh	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
693	2359082012	Nguyễn Chí	Hậu	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
694	2359082013	Đỗ Minh	Hiếu	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
695	2359082015	Phạm Xuân	Hồng	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
696	2359082017	Đình Mạnh	Hùng	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
697	2359082019	Võ Lê Nhật	Huy	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
698	2359082024	Nguyễn Minh	Kha	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
699	2359082040	Lê Nguyễn Duy	Phong	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
700	2359082047	Châu Tuấn	Sang	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
701	2359082048	Nguyễn Thái	Son	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
702	2359082051	Nguyễn Ngọc	Thắng	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
703	2359082052	Huỳnh Quốc	Thắng	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
704	2359082054	Trần Mậu	Thịnh	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
705	2359082058	Trần Thị Kiều	Trang	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
706	2359082063	Vòng Trọng Anh	Tuấn	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
707	2359082064	Nguyễn Anh	Tuấn	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
708	2359082067	Hà Tiểu	Vạn	BC	HLTT	46	Toán thống kê	2	
709	2359102002	Lê Quang	Khải	CV	HLTT	46	Toán thống kê	2	
710	2359112031	Huỳnh Thu	Ngọc	Vật	HLTT	46	Toán thống kê	2	
711	2359112066	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	VT	HLTT	46	Toán thống kê	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
712	2359112068	Vi Phan Nhật	Truyền	VT	HLTT	46	Toán thống kê	2	
713	2353434019	Phan Nguyễn Hoàng	Lê	QL	QLTDTT	46	Toán thống kê	2	
714	2353434020	Lê Hoàng Bảo	Long	QL	QLTDTT	46	Toán thống kê	2	
715	2353434039	Đoạn Tiến	Vinh	QL	QLTDTT	46	Toán thống kê	2	
716	2353053019	Dương Nhất	Salem	YS	YSHTDTT	46	Toán thống kê	2	
717	2459012019	Nguyễn Tuấn	Huy	ĐK	HLTT	47	Toán thống kê	2	
718	2459022001	Lê Hoàn	Hào	TD	HLTT	47	Toán thống kê	2	
719	2459032016	Trần Anh	Phúc	BL	HLTT	47	Toán thống kê	2	
720	2459042003	Lê Việt	Anh	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
721	2459042011	Nguyễn Hoàng Gia	Bào	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
722	2459042012	Liêng Jrang	Billybrian	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
723	2459042021	Lê Tuong	Danh	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
724	2459042031	Phạm Tấn	Đạt	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
725	2459042064	Nguyễn Xuân	Hùng	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
726	2459042067	Đỗ Nhựt	Huy	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
727	2459042079	Danh Văn	Khang	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
728	2459042085	Võ Duy An	Khánh	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
729	2459042087	Đặng Anh	Khoa	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
730	2459042108	Đoàn Khôi	Nguyễn	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
731	2459042112	Dương Văn	Nhân	BĐ	HLTT	47	Toán thống kê	2	
732	2459052018	Trần Anh	Duy	CL	HLTT	47	Toán thống kê	2	
733	2459052047	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	CL	HLTT	47	Toán thống kê	2	
734	2459052058	Lê Thiên	Quốc	CL	HLTT	47	Toán thống kê	2	
735	2459112001	Lê Nguyễn Phước	An	VT	HLTT	47	Toán thống kê	2	
736	2459112079	Đặng Tấn	Trỗi	VT	HLTT	47	Toán thống kê	2	
737	2459112084	Nguyễn Thanh	Tùng	VT	HLTT	47	Toán thống kê	2	
738	2459112084	Nguyễn Thanh	Tùng	VT	HLTT	47	Toán thống kê	2	
739	2459112089	Nguyễn Trường An	Vinh	VT	HLTT	47	Toán thống kê	2	
740	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Toán thống kê	2	
741	2159112019	Nguyễn Đình Minh	Khuê	VT	HLTT	79TP	Toán thống kê	2	
742	2239052008	Trần Đức	Lộc	CL	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
743	2239112012	Lê Thị	Hậu	VT	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
744	2239112022	Thủy Thị Phương	Ngân	VT	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
745	2239112026	Trần Minh	Nhật	VT	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
746	2239112030	Huỳnh Thị Mỹ	Nương	VT	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
747	2239112036	Trần Thị Ánh	Phương	VT	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
748	2239112049	Vũ Thế	Vinh	VT	HLTT	80TP	Toán thống kê	2	
749	2339112004	Nguyễn Hữu	Dậu	VT	HLTT	81TP	Toán thống kê	2	
750	2339112011	Nguyễn Trường	Giang	VT	HLTT	81TP	Toán thống kê	2	
751	2339112039	Nguyễn Đình	Văn	VT	HLTT	81TP	Toán thống kê	2	
752	2439112013	Nguyễn Thành	Đạt	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
753	2439112017	Võ Ngọc	Giàu	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
754	2439112029	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
755	2439112045	Ngô Thị	Nguyễn	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
756	2439112074	Nguyễn Tân	Trọng	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
757	2439112079	Trần Thị Kiều	Vi	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
758	2439112081	Phan Hồ Khánh	Vy	VT	HLTT	82TP	Toán thống kê	2	
759	2059112001	Đinh Phúc	An	VT	HLTT	43	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
760	2059112035	Nguyễn Tấn	Sang	VT	HLTT	43	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
761	2159042077	Vũ Đức	Phát	BĐ	HLTT	44	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
762	2159052023	Nguyễn Viết	Thành	CL	HLTT	44	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
763	2159052025	Ca Phạm Minh	Thuần	CL	HLTT	44	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
764	2059062011	Huỳnh Tuấn	Kiệt	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
765	2259012019	Nguyễn Minh	Kiệt	ĐK	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
766	2259012022	Phạm Kim	Ngân	ĐK	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
767	2259012029	Hà Ngọc	Trâm	ĐK	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
768	2259012032	Phùng Hoàng Tuấn	Vỹ	ĐK	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
769	2259022003	Trần Minh	Đức	TD	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
770	2259032022	Đặng Hà Như	Ngọc	BL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
771	2259032035	Tăng Thị Tường	Vy	BL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
772	2259042059	Nguyễn Duy	Nghĩa	BĐ	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
773	2259042066	Khê Văn	Nô	BĐ	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
774	2259042069	Trần Quốc	Phong	BĐ	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
775	2259042076	Nguyễn Lê Thanh	Quý	BĐ	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
776	2259042100	Huỳnh Duy	Trà	BĐ	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
777	2259042106	Dương Văn	Trung	BĐ	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
778	2259052003	Nguyen Huu Phu	Cuong	CL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
779	2259052005	Huỳnh Thanh	Hiên	CL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
780	2259052006	Đoàn Minh	Hiếu	CL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
781	2259052010	Trần Trung	Kiên	CL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
782	2259052012	Trần Xuân	Thảo	CL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
783	2259052017	Lê Thanh	Huyền	CL	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
784	2259062001	Lê Hoàng	Anh	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
785	2259062007	Võ Tuấn	Huy	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
786	2259062008	Lâm Thế	Huy09344	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
787	2259062009	Nguyễn Minh	Khang	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
788	2259062012	Nguyễn Thành	Long	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
789	2259062015	Ngô Thanh	Nhân	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
790	2259062020	Trần Văn	Phong	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
791	2259062021	Nguyễn Tấn	Phúc	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
792	2259062023	Huỳnh Khấu Minh	Quan	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
793	2259062024	Phùng An	Thái	BR	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
794	2259112004	Nguyễn Văn	Công	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
795	2259112010	Nguyễn Tiến	Đạt	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
796	2259112018	Hà Huy	Hạnh	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
797	2259112021	Lê Minh Khải	Hoàn	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
798	2259112025	Đặng Ngọc Trúc	Linh	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
799	2259112041	Nguyễn Thanh	Phúc	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
800	2259112063	Dương Thị Ngọc	Trình	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
801	2259112065	Phạm Thái	Tuấn	VT	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
802	2259142003	Hồ Sĩ	Hiên	QV	HLTT	45	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
803	1933432063	Phạm Thị	Phượng	QL	HLTT	77VL	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
804	2239112003	Võ Quyền	Anh	VT	HLTT	80TP	Tuyển chọn và đào tạo VĐV	3	
805	2059062017	Nguyễn Huy	Quân	BR	HLTT	43	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
806	2059112035	Nguyễn Tấn	Sang	VT	HLTT	43	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
807	2053434013	Phạm Tường	Khánh	Quản lý	QLTDDT	43	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
808	2159112001	Lê Trọng	Bách	VT	HLTT	44	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
809	2159132001	Trương Quốc	Anh	BS	HLTT	44	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
810	2153434022	Đoàn Quang	Nguyên	QL	QLTDDT	44	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
811	2153434033	Lê Ngọc Bảo	Toàn	QL	QLTDDT	44	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
812	2259022004	Nguyễn Minh	Khang	TD	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
813	2259042045	Trương Minh	Khang	BĐ	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
814	2259042100	Huỳnh Duy	Trà	BĐ	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
815	2259042104	Nguyễn Thành	Trung	BĐ	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
816	2259052001	Trần Phúc Mai	Anh	CL	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
817	2259052005	Huỳnh Thanh	Hiển	CL	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
818	2259062001	Lê Hoàng	Anh	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
819	2259062001	Lê Hoàng	Anh	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
820	2259062002	Trương Huy	Bình	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
821	2259062004	Huỳnh Hữu Chấn	Hào	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
822	2259062005	Vương Minh	Hiếu	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
823	2259062016	Nguyễn Thành	Nhân	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
824	2259062017	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
825	2259062020	Trần Văn	Phong	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
826	2259062023	Huỳnh Khẩu Minh	Quan	BR	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
827	2259112025	Đặng Ngọc Trúc	Linh	VT	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
828	2259112044	Vũ Tấn	Tài	VT	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
829	2259112049	Vũ Thị Ngọc	Thanh	VT	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
830	2259112057	Tạ Hoài	Thương	VT	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
831	2259112064	Nguyễn Văn	Trưởng	VT	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
832	2259142003	Hồ Sĩ	Hiển	QV	HLTT	45	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
833	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
834	2359042045	Nguyễn Huy	Hoàng	BĐ	HLTT	46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
835	2359052023	Nguyễn Hiếu	Minh	CL	HLTT	46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
836	2359082006	Ngô Hoàng	Đa	BC	HLTT	46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
837	2059062021	Huỳnh Trường	Thành	BR	HLTT	43	Triết học Mác lênin	3	
838	2159062022	Võ Thái	Son	BR	HLTT	44	Triết học Mác lênin	3	
839	2259051004	Nguyễn Tấn	Dương	CL	GDTC	45	Triết học Mác lênin	3	
840	2259012032	Phùng Hoàng Tuấn	Vỹ	ĐK	HLTT	45	Triết học Mác lênin	3	
841	2259042076	Nguyễn Lê Thanh	Quý	BĐ	HLTT	45	Triết học Mác lênin	3	
842	2259052003	Nguyễn Hữu Phú	Cường	CL	HLTT	45	Triết học Mác lênin	3	
843	2259052011	Cao Trường	Thành	CL	HLTT	45	Triết học Mác lênin	3	Thiếu 420k
844	2259112008	Nguyễn Thành	Đạt	VT	HLTT	45	Triết học Mác lênin	3	
845	2259112031	Huỳnh Phương	Nam	VT	HLTT	45	Triết học Mác lênin	3	
846	2253434006	Dương Phước	Huy	QL	QLTDTT	45	Triết học Mác lênin	3	
847	2253434015	Đỗ Trọng	Nguyễn	QL	QLTDTT	45	Triết học Mác lênin	3	
848	2359031003	Đoàn Công	Anh	BL	GDTC	46	Triết học Mác lênin	3	
849	2359012004	Lê Chí	Chiêu	ĐK	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
850	2359012022	Bùi Lê	Khôi	ĐK	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
851	2359032006	Lê Phạm Hải	Đặng	BL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
852	2359032015	Trần Hoàng Uyển	Nhi	BL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	Thiếu 420k
853	2359032017	Hồ Nhật	Quang	BL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
854	2359032020	Lương Đình	Thị	BL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
855	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
856	2359032024	Nguyễn Hoàng	Vũ	BL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
857	2359042039	Võ Trần Đức	Hiếu	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
858	2359042046	Nguyễn Đức	Huân	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
859	2359042052	Châu Ngọc	Huy	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
860	2359042056	Trần Quang	Huy	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
861	2359042071	Nguyễn Minh	Khang	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
862	2359042074	Võ Hoàng	Khanh	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
863	2359042080	Lý Nguyễn Đăng	Khoa	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
864	2359042100	Nguyễn Thành	Luân	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
865	2359042132	Nguyễn Trọng	Phú	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
866	2359042143	Nguyễn Hồng	Quân	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
867	2359042148	Lê Xuân	Quý	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	



STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
868	2359042162	Đoàn Văn	Thanh	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
869	2359042176	Đỗ Thành	Trí	BĐ	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
870	2359052008	Trần Nữ Triều	Dương	CL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
871	2359052008	Trần Nữ Triều	Dương	CL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
872	2359052039	Võ Hà Kiều	Trang	CL	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
873	2359062034	Đặng Ngọc	Vỹ	BR	HLTT	46	Triết học Mác lênin	3	
874	2353434020	Lê Hoàng Bảo	Long	QL	QLTDTT	46	Triết học Mác lênin	3	
875	2553434026	Phạm Tuyết	Nhi	QL	QLTDTT	46	Triết học Mác lênin	3	Thiếu 420k
876	2459112015	Thạch Thị Mỹ	Dung	VT	HLTT	47	Triết học Mác lênin	3	
877	2453434017	Võ Trần Anh	Khoa	QL	QLTDTT	47	Triết học Mác lênin	3	
878	2453053019	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	YS	YSHTDTT	47	Triết học Mác lênin	3	
879	2139112011	Nguyễn Hải	Đặng	VT	HLTT	79TP	Triết học Mác lênin	3	
880	2239052001	Trần Tiến	Đạt	CL	HLTT	80TP	Triết học Mác lênin	3	
881	2239112001	Dương Trúc	Anh	VT	HLTT	80TP	Triết học Mác lênin	3	
882	2439062024	Trương Thanh Long	Quân	BR	HLTT	82ST	Triết học Mác lênin	3	
883	2159042055	Trịnh Thái	Kiệt	BĐ	HLTT	44	Vệ sinh học	2	
884	2159042108	Trần Hữu	Trung	BĐ	HLTT	44	Vệ sinh học	2	
885	2159052023	Nguyễn Việt	Thành	CL	HLTT	44	Vệ sinh học	2	
886	2159082045	Nguyễn Thanh	Tiến	BC	HLTT	44	Vệ sinh học	2	
887	2159112015	Huỳnh Gia	Huy	VT	HLTT	44	Vệ sinh học	2	
888	2159112057	Hà Quang	Trưởng	VT	HLTT	44	Vệ sinh học	2	
889	2259012003	Phan Phúc	Đại	ĐK	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
890	2259032014	Lê Đại	Khoẻ	BL	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
891	2259032022	Đặng Hà Như	Ngọc	BL	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
892	2259032031	Trần Phúc	Thịnh	BL	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
893	2259032032	Lu Đình	Tri	BL	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
894	2259042045	Trương Minh	Khang	BĐ	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
895	2259042088	Phan Quang	Thắng	BĐ	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
896	2259052001	Trần Phúc Mai	Anh	CL	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
897	2259052006	Đoàn Minh	Hiếu	CL	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
898	2259062007	Võ Tuấn	Huy	BR	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
899	2259062020	Trần Văn	Phong	BR	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
900	2259072001	Võ Huỳnh Thái	Dương	BB	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
901	2259072002	Phan Hữu	Nhân	BB	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
902	2259082014	Trần Lý Thanh	Nhã	BC	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
903	2259112002	Dương Thế	Anh	VT	HLTT	45	Vệ sinh học	2	
904	2359032022	Võ Thành	Thông	BL	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
905	2359042021	Nguyễn Hưng	Điền	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
906	2359042053	Nguyễn Đình	Huy	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
907	2359042059	Huỳnh Gia	Huy	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
908	2359042066	Trần Văn	Khá	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
909	2359042090	Nguyễn Trần Hồng	Lâm	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
910	2359042100	Nguyễn Thành	Luân	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
911	2359042124	Lý Nhựt	Phạm	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
912	2359042140	Mai Tấn	Phường	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
913	2359042150	Mai Duy	Quyển	BĐ	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
914	2359052031	Nguyễn Hoàng Anh	Phi	CL	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
915	2359062001	Phạm Tài Duy	Anh	BR	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
916	2359062029	Võ Đắc Song	Toàn	BR	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
917	2359082002	Cao Văn Hoàng	Anh	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
918	2359082005	Phan Hoàng	Cương	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
919	2359082010	Lâm Gia	Hân	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	

STT	MSSV	Họ và	Tên	Lớp	Khoa	Khóa	Môn học lại	Số TC	Ghi chú
920	2359082011	Nguyễn Ngọc	Hân	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
921	2359082022	Phạm Nguyễn Quốc	Huy	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
922	2359082023	Nguyễn Như	Huy	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
923	2359082024	Nguyễn Minh	Kha	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
924	2359082038	Đỗ Tiến	Phát	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
925	2359082045	Thân Trọng	Quý	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
926	2359082048	Nguyễn Thái	Son	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
927	2359082054	Trần Mậu	Thịnh	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
928	2359082058	Trần Thị Kiều	Trang	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
929	2359082064	Nguyễn Anh	Tuấn	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
930	2359082069	Đoàn Đình Tiên	Vương	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
931	2359082070	Trần Triệu	Vy	BC	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
932	2359112077	Ngô Thế	Vinh	VT	HLTT	46	Vệ sinh học	2	
933	2459012009	Trần Phong	Dinh	ĐK	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
934	2459022001	Lê Hoàn	Hào	TD	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
935	2459042004	Nguyễn Nhựt	Anh	BĐ	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
936	2459042020	Hồ Quang	Danh	BĐ	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
937	2459042064	Nguyễn Xuân	Hùng	BĐ	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
938	2459042071	Trần Ngô Nhật	Huy	BĐ	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
939	2459042139	Nguyễn Vương Cường	Thịnh	BĐ	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
940	2459042157	Nguyễn Thanh	Tú	BĐ	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
941	2459052047	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	CL	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
942	2459112012	Nguyễn Vũ	Đoàn	VT	HLTT	47	Vệ sinh học	2	
943	2139112011	Nguyễn Hải	Đăng	VT	HLTT	79TP	Vệ sinh học	2	

